

TƯ TƯỞNG TỊNH ĐỘ CỦA ĐẠI SƯ THIỆN ĐẠO

Kết tập: Đệ tử Đại Sư Thiện Đạo

TẬP BỐN

TƯ TƯỞNG NIỆM PHẬT

Từ niên hiệu Quang Hòa thứ hai 179 TL, đời Vua Linh Đế, thời Đông Hán, Ngài Chi Lô Ca Sấm dịch Kinh Bát Chu Tam Muội, thì tư tưởng Niệm Phật mới bắt đầu truyền vào Trung Quốc. Sau đó, thời Ngô, Ngài Chi Khiêm.

Thời Tây Tấn, Ngài Trúc Pháp Hộ dịch các Kinh: Kinh Đại A Di Đà tức Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Bình Đăng Viên Giác. Thời Diêu Tần, Ngài Cưu Ma La Thập.

Thời Lưu Tống, Ngài Bảo Vân dịch các Kinh: Kinh A Di Đà, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ lưu hành đi các nơi. Sau khi tư tưởng Niệm Phật được truyền vào Trung Quốc, trải qua quá trình từ quán tưởng Niệm Phật, rồi sau đó mới thịnh hành chủ trương trì danh Niệm Phật.

Quán tưởng Niệm Phật là chỉ cho một loại thiền định, tức là thông qua tịnh tọa nhập định, hành giả quán tưởng những tướng hảo và công đức oai thần của Đức Phật cùng sự trang nghiêm thù thắng trên Cõi Tịnh Độ của Ngài.

Trì danh Niệm Phật tức là miệng xưng niệm danh hiệu Đức Phật, như

nói: Người niệm danh hiệu Đức Phật được bảy vạn, mười vạn câu sẽ được thành Phật. Ở Trung Quốc, tư tưởng Niệm Phật vào thời kỳ đầu thông thường là quán tưởng Niệm Phật, nhân vật tiêu biểu trong giai đoạn này là Ngài Lô Sơn Huệ Viễn, một vị danh Tăng thời Đông Tấn.

Quan điểm Niệm Phật của Ngài Huệ Viễn xuất phát từ nhân quả báo ứng, tín ngưỡng Tịnh Độ Di Đà, hy vọng Vãng Sanh Tịnh Độ Tây Phương, thoát khỏi sự thống khổ của kiếp người.

Trong Niệm Phật Tam Muội thi tập tự, hàm ý của Ngài khi trình bày và phân tích quan điểm Niệm Phật là nhằm làm sáng tỏ tính chất và tác dụng của Niệm Phật Tam Muội.

Ngài cho rằng Tam Muội chính là chuyên tư tịch tưởng, là một loại công phu Thiền Định: Cho nên nay người nhập định này, vắng bật thấy biết, khi đối duyên xúc cảnh, tâm thức chiếu soi tựa như gương.

Trong Kinh Tọa Thiền Tam Muội, Ngài đem Niệm Phật Tam Muội chia làm ba bước:

Thứ nhất, trước tiên quán nhìn Tượng Phật, khiến toàn bộ tư duy của mình đều tập trung lên Tượng Phật.

Thứ hai, trên nền tảng đó, quán tưởng những hình sắc tốt đẹp của Đức Phật.

Thứ ba, quán tưởng vô lượng trí huệ, công đức Pháp Thân của Đức Phật, đạt đến mức chỉ chuyên quán tưởng hai việc Thân Phật như hư không và công đức của Ngài, không xen tạp niệm nào khác, tâm được tự tại.

Ngài Huệ Viễn cũng từng thỉnh vấn với Ngài Cưu Ma La Thập vấn đề Niệm Phật Tam Muội thế nào để thấy được trọn vẹn sắc tướng của Đức Phật, Ngài đặt vấn đề: Các Kinh Điển nói về thân tướng của Đức Phật đều mô tả rằng thân tướng của Phật có đầy đủ ánh sáng chiếu suốt mọi nơi, đoan nghiêm không gì bằng... Pháp Thân chân thật ấy có đúng như vậy chăng?

Phật sở duyên chính là Pháp Thân chân thật của Đức Phật, hay đó là thân biến hóa?

Có thể thấy, quan điểm Niệm Phật của Ngài Huệ Viễn là quán tưởng Niệm Phật chứ không phải là xưng danh Niệm Phật.

Trong Luận an lạc Tịnh Độ nghĩa, Ngài Đàm Loan nói: Hoặc niệm danh tự Phật, hoặc niệm tướng hảo của Phật, hoặc niệm quang minh của Phật, hoặc niệm thần lực của Phật, hoặc niệm công đức của Phật, hoặc niệm trí huệ của Phật, hoặc niệm bản nguyện của Phật.

Không có niệm khác xen vào làm gián đoạn, tâm tâm nối tiếp nhau cho đến mười niệm gọi là thập niệm... khi lâm chung, vì xưng danh hiệu Đức Phật A Di Đà, nguyện sanh cõi An Lạc, từng câu từng câu nối tiếp nhau, liền thành thập niệm... người này khi mạng chung liền được sanh về cõi An Lạc.

Trong đoạn văn này, Đại Sư Đàm Loan nêu ra hai phương pháp Niệm Phật, đó là quán tưởng Niệm Phật và xưng danh Niệm Phật. Điều này cho thấy, dù quán tưởng Niệm Phật vẫn chiếm vị trí chủ đạo nhưng Đại Sư Đàm Loan đã bắt đầu hướng về xưng danh Niệm Phật.

Đại Sư Đạo Xước nắm bắt tình hình rất nhạy bén, đúng lúc tư tưởng

Mạt Pháp hưng khởi, Ngài căn cứ theo Kinh Đại tập nguyệt tạng, đưa ra quan điểm: Chư Phật Như Lai có vô lượng, hoặc Tổng hoặc Biệt, nếu chúng sanh nào nhiếp tâm xưng niệm thì không ai chẳng được trừ tội tăng phước, đều sanh ra ở trước Phật, đó là danh hiệu độ chúng sanh.

Tính ra chúng sanh thời nay, cách thời Đức Phật Thích Ca diệt độ đã là năm trăm năm thứ tư, chính là thời tu phước sám hối, xưng danh hiệu Phật. Vì một lần xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà thì có thể diệt trừ tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp.

Trong Đạo Xước truyện, có nói Ngài Đạo Xước khuyên người niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, dùng hạt đậu nhỏ để đếm số lần niệm. Ngài còn dạy người Niệm Phật xâu hạt mộc làm thành chuỗi để tính số.

Tư tưởng xưng danh Niệm Phật của Đại Sư Đạo Xước có tác dụng mở đường để phát sanh ra Pháp Môn xưng danh Niệm Phật của Đại Sư Thiện Đạo sau này. Đại Sư Thiện Đạo Kế Thừa tư tưởng Niệm Phật của Đại Sư Đàm Loan Ngài đem nó hệ thống hóa, sắp xếp thành lý luận Niệm Phật hoàn chỉnh.

Nhìn chung, tư tưởng Niệm Phật của Đại Sư Thiện Đạo chủ yếu thể hiện trên những quan điểm sau:

1. THUYẾT TAM TÂM

Như đã đề cập ở trước, cho dù Đức Phật A Di Đà có nguyện lực rộng lớn, có thể độ khắp chúng sanh, nhưng nguyện lực này của Ngài cũng không thể tự phát khởi tác dụng lên chúng sanh được, nó đòi hỏi chúng sanh trước tiên phải có mong muốn được Vãng Sanh. Thuyết tam tâm

mà Đại Sư Thiện Đạo đề cập, chính là vị trí của chủ thể Niệm Phật.

2. TÂM CHÍ THÀNH

Tâm chí thành tức là tâm chân thật, Đại Sư Thiện Đạo nói: Chí là chân, thành là thật. Ngài cho rằng, chúng sanh phải lấy chân thật làm nền tảng để phát khởi tu hành trên cả ba phương diện thân, khẩu, ý. Không thể bên ngoài hiện tướng hiền thiện tinh tấn, bên trong ôm lòng giả dối cần phải tâm khẩu nhất như, nếu tu hành không chân thật thì không thể Vãng Sanh Tịnh Độ.

Đức Phật A Di Đà khi còn là Bồ Tát, nhất cử nhất động, cho đến bốn mươi tám nguyện của Ngài đều đặt nền tảng trên sự chân thật. Nay chúng sanh muốn nương vào Đức Phật A Di Đà để được Vãng Sanh thì nhất định phải lấy Phật A Di Đà làm gương để tu hành, nếu không thì không thể phù hợp với thệ nguyện của Ngài, hẳn nhiên sẽ không thể giải thoát.

Đại Sư Thiện Đạo cho rằng chân thật hàm ý trên hai phương diện, tức là chân thật tự lợi và chân thật lợi tha. Người chân thật tự lợi là trong mỗi niệm đều xả bỏ các việc ác, xả ly uế độ và niệm niệm siêng tu các điều thiện.

Nói về vấn đề siêng tu, Tông Tịnh Độ lại lý giải trên hai phương diện: Tu thiện tức là dừng ác, mà dừng ác cũng chính là tu thiện, nên tu thiện và dừng ác đều quan trọng như nhau, không thể thiếu một trong hai.

Chân thật lợi tha, tức là chúng ta lấy việc bỏ ác song song với siêng năng hành thiện để gây ảnh hưởng đến cộng đồng, khiến cho họ bỏ ác

làm lành, cũng siêng Tu Tịnh Độ giống như chúng ta.

Cũng có nghĩa là: Ta muốn làm nên thì giúp người làm nên, ta muốn thành đạt thì giúp người thành đạt. Đại Sư Thiện Đạo cho rằng, trong toàn bộ việc tu hành thì tâm chân thật rất quan trọng.

Người tu hành mà không có tâm chân thật là một thứ thiện tạp độc, là hành vi lừa gạt, một là lừa mình, hai là lừa người. Đức Phật A Di Đà là bậc toàn tri toàn năng, bất luận chúng sanh có hành vi giả dối ra sao đều không qua được pháp nhãn của Ngài.

Nếu chúng sanh dùng thiện tạp độc để cầu sanh Tịnh Độ, sẽ vĩnh viễn không đạt được mục đích. Người muốn Vãng Sanh Tịnh Độ là người đã thật sự cảm nhận được một cách sâu sắc cuộc sống nhân sanh đau khổ, là vì muốn giải thoát triệt để, là muốn thành toàn việc lớn của một đời người. Nếu ai tự lừa dối mình, mới chỉ xét trên mặt tự lợi, kết quả đã phải vĩnh viễn bị đọa trong biển khổ của kiếp người.

Nguy hại của việc tự lừa dối mình không chỉ giới hạn nơi tự thân kẻ đó, mà còn làm liên lụy đến người khác. Bởi vì trong lòng họ giả dối, nhưng bên ngoài lại hiện tướng siêng năng, mọi người nhìn thấy người nọ siêng năng như vậy mà còn không được Vãng Sanh, liền đâm ra nghi ngờ khả năng Vãng Sanh của mình.

Vô hình trung, người mà bên ngoài hiện tướng hiền thiện tinh tấn, bên trong ôm lòng giả dối kia đã làm ảnh hưởng tín tâm của mọi người đối với tín ngưỡng Tịnh Độ, rốt cuộc làm trở ngại bước chân của chúng sanh tiến lên con đường giải thoát, tội này chẳng phải nhỏ.

Ngược lại, nếu tất cả đều xuất phát từ tâm chân thật của chúng ta, thì

ngay đó đã đem đến cho người khác tấm gương Vãng Sanh, gián tiếp dẫn dắt mọi người quay về nương tựa vào Tịnh Độ.

Theo một số sách ghi lại hành trạng của Đại Sư Thiện Đạo, thì Ngài đúng là một bậc mô phạm: Hơn ba mươi năm Ngài chưa từng đặt lưng xuống chiếu, rất ít ngủ nghỉ, trừ tắm rửa ra thì thân không rời Ca Sa. Tu hạnh Bát Chu Tam Muội, lấy việc tụng Kinh lễ Phật làm hạnh nghiệp, giữ gìn giới hạnh một mảy may cũng không phạm. Ngài chưa từng liếc mắt nhìn Nữ Nhân, không móng tâm danh lợi, cũng không từng có một lời nói đùa.

Tinh thần của Đại Sư Thiện Đạo ảnh hưởng rộng đến mọi tầng lớp trong xã hội thời bấy giờ, đến nỗi: Tăng tục trong Kinh Thành và các Châu, có người tự gieo mình từ núi cao xuống vực, hoặc có người tự trảm mình vào dòng suối sâu, hoặc có người tự gieo mình từ trên cành cây cao xuống, hay là thiêu thân cúng dường, xa gần cũng khoảng hơn trăm người.

Họ tu các phạm hạnh, xả bỏ vợ con, đọc tụng Kinh A Di Đà từ mười vạn đến ba mươi vạn lần, niệm danh hiệu Phật một ngày được một vạn năm nghìn câu đến mười vạn câu, đặc Niệm Phật Tam Muội, những người được Vãng Sanh Tịnh Độ nhiều không kể xiết. Xem đây thì đủ biết, Đại Sư Thiện Đạo có sức ảnh hưởng vô cùng lớn lao đối với quần chúng thời bấy giờ.

TÂM TIN TƯỞNG SÂU SẮC

Trong Quán Kinh sơ, Đại Sư Thiện Đạo nói: Nói thâm tâm, tức là tâm tin tưởng sâu sắc. Thâm tâm còn gọi là thâm tín, tức là tâm tin tưởng sâu

sắc, là có tín tâm sâu dày đối với Phật Pháp. Đại Sư Thiện Đạo rất xem trọng thâm tâm, Ngài triển khai trình bày và phân tích trên hai phương diện chủ thể và khách thể.

Phương diện thứ nhất, Đại Sư Thiện Đạo cho rằng chủ thể cần phải xác định tâm tin tưởng sâu sắc thế nào, tức là phải tin tưởng rằng chính ta đang là một phàm phu sống trong thời Mạt Pháp, cần phải phủ định hoàn toàn khả năng của tự thân, không thể nương vào sức của mình để được Vãng Sanh thành Phật.

Phương diện thứ hai, Đại Sư Thiện Đạo lại từ phương diện khách quan xác lập tâm tin tưởng sâu sắc, nội dung có ba điểm: Phải tin tưởng tuyệt đối vào bốn mươi tám nguyện nhiếp thọ chúng sanh của Đức Phật A Di Đà, chúng sanh nương vào nguyện lực của Phật, chắc chắn được Vãng Sanh. Phải tin tưởng nhị thiện định tán, Cửu Phẩm, Tam Phước mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong Quán Kinh.

Tin tưởng sâu sắc Kinh A Di Đà, Chư Phật đến chứng tín cho việc xưng danh được Vãng Sanh. Thông qua việc trình bày và phân tích chặt chẽ, Đại Sư Thiện Đạo đã xác định tầm quan trọng của Kinh Diên Tịnh Độ trong thời Mạt Pháp, Ngài mong mỗi mọi người có niềm tin thật vững chắc đối với Tịnh Độ.

Xét trên bề mặt, hai phương diện chủ thể và khách thể của thâm tâm có chút mâu thuẫn, Đại Sư Thiện Đạo nhấn mạnh rằng trên thực tế hai phương diện này hoàn toàn thống nhất với nhau.

Theo Đại Sư Thiện Đạo, chúng sanh tội ác sâu nặng khó có thể được cứu, bởi vì nhận thức trọn vẹn được trình độ của tự thân là vô cùng yếu ớt, dựa vào tự lực thì không có cách nào được giải thoát, nên họ có thể

buông bỏ tất cả những thấy biết lệch lạc, một lòng trông mong vào nguyện lực từ bi của Đức Phật A Di Đà.

Nhìn theo góc độ này thì chúng ta cách cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà không xa. Ngược lại, nếu tự thị trình độ của mình là giỏi, không tin tưởng rằng ta là chúng sanh cần nương vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà thì giữa Ngài và chúng ta có khoảng cách rất xa.

Đại Sư Thiện Đạo cho rằng một khi đã có được tâm thâm tín thì chúng ta sẽ chỉ một lòng tin tưởng vào lời Phật, trong Kinh Đức Phật dạy như thế nào thì chúng ta vâng làm như thế ấy. Hẳn nhiên, sẽ xuất hiện những người lợi dụng Kinh Điển của Đức Phật để phê bình tình hình tín ngưỡng Tịnh Độ.

Đại Sư Thiện Đạo cho rằng trước tiên chúng ta phải có tín tâm kiên cố không dao động, tiếp theo cần nhận thức rằng Đức Thế Tôn Thuyết Pháp luôn phù hợp trình độ thính chúng. Kinh Điển Tịnh Độ là Như Lai nói cho chúng sanh thời Mạt Pháp, không nên dùng những Kinh Điển khác của Ngài để phê bình Kinh Điển Tịnh Độ.

Tóm lại, chỉ cần chúng sanh khắc cốt ghi tâm rằng: Thân ta là phàm phu tội ác không có cơ hội giải thoát, chỉ nương vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà mới có thể được Vãng Sanh. Giữ được tín tâm không dao động thì đây chính là tiến trình để chúng sanh tu hành tiến vào Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà.

TÂM HỒI HƯỚNG PHÁT NGUYỆN

Hồi hướng phát nguyện là một điểm rất đặc sắc của Phật Giáo. Hồi là

hồi chuyển, hướng là thú hướng. Bất cứ ai thuộc tín đồ Phật Giáo, khi tạo tác điều gì hữu ích cho Phật Pháp đều nên hồi hướng phát nguyện, tức là hồi chuyển công đức mà ta đã tu hành được, hướng đến kỳ vọng vào bản thân.

Trong Tông Tịnh Độ có hai loại hồi hướng: Một là vãng tướng hồi hướng, tức là đem công đức mà ta đã tạo tác chuyển tặng cho tất cả chúng sanh, hi vọng tất cả cùng đồng được Vãng Sanh về Quốc Độ của Đức Phật A Di Đà.

Hai là hoàn tướng hồi hướng, là sau khi Vãng Sanh về Tịnh Độ, thành tựu tất cả công đức, vị Bồ Tát này sẵn lòng quay lại Thế Giới Ta Bà để giáo hóa chúng sanh, giúp họ quay về Tịnh Độ.

Đại Sư Thiện Đạo cho rằng thiện hạnh của vãng tướng hồi hướng có hai phương diện: Một là thiện hạnh mà bản thân người đó đã tu tập được, bao quát tất cả công đức thiện hạnh đã được tạo tác từ quá khứ, hiện tại và tất cả công đức thiện hạnh đã được tạo tác từ thân, khẩu, ý của họ.

Thiện hạnh thế tục tức là giới phước và hạnh phước. Giới phước là giữ đủ các giới đã thọ, không phạm oai nghi. Hạnh phước là phát tâm Bồ Đề, tin nhân quả, đọc tụng Kinh Điển Đại Thừa, khuyên người tu tập. Một phương diện khác của vãng tướng hồi hướng là tùy hỷ thiện hạnh.

Tùy hỷ hàm nghĩa trên hai mặt: Một là thấy người khác có điều vui, ta cũng tùy hỷ với niềm vui của người. Hai là vui theo việc xả thí trong mọi hoàn cảnh. Ví dụ cũng là việc bố thí, nếu người giàu có thí xả tiền của, vải vóc, thì kẻ nghèo khó bố thí ngum nước và bó rau... Tất cả đều xuất phát từ sự vui vẻ trong nội tâm.

Phát nguyện là chỉ cho việc chúng sanh nên phát khởi thế nguyện Vãng Sanh Tịnh Độ. Trong tín ngưỡng Tịnh Độ, sự phát nguyện có vị trí rất quan trọng. Trong Bộ Kinh A Di Đà, Đức Phật trước sau ba lần khuyên chúng sanh nên phát nguyện.

Lần thứ nhất là sau khi mô tả sự trang nghiêm trên Thế Giới Tịnh Độ Tây Phương, Đức Thế Tôn khuyên: Chúng sanh nghe như vậy, cần nên phát nguyện, nguyện sanh về nước kia.

Lần thứ hai, khi khai thị nghe nói về chấp trì danh hiệu Đức Phật A Di Đà, Thế Tôn nói: Chúng sanh nghe lời này, phải nên phát nguyện sanh về nước kia.

Lần thứ ba, khi khai thị chúng sanh nên phát nguyện Vãng Sanh, Ngài nói: Nếu có niềm tin, phải nên phát nguyện sanh về nước kia.

Vì vậy, Đại Sư Thiện Đạo nói: Tâm thâm tín này cứng chắc như Kim Cang, một dạ nhất tâm, một lòng chính trực, không bị những kiến giải, những môn học khác, hay những người tu theo hạnh khác... làm lay động hay phá hoại được.

Tóm lại, tâm chí thành mà Đại Sư Thiện Đạo nói đến chính là tâm chân thật, là tâm mong mỏi được Vãng Sanh không chút giả dối. Tâm tin tưởng sâu sắc là tâm tin tưởng trọn vẹn vào nguyện lực của Đức Phật. Tâm hồi hướng phát nguyện là tâm hồi hướng tất cả những điều đã tu tập được, để cầu nguyện Vãng Sanh.

Ba tâm này gọi chung là an tâm, tức là đem tâm đặt vào nơi ba việc: Sở cầu Tịnh Độ, sở quy Đức Phật A Di Đà và sở hành Niệm Phật.

Trọng điểm của ba tâm là an tâm, do đó, Đại Sư Thiện Đạo nói: Ba tâm

đầy đủ thì hạnh nào cũng được thành tựu, nếu người có đủ ba tâm này mà không được Vãng Sanh là chuyện không thể xảy ra.

THUYẾT XUNG DANH

Đại Sư Thiện Đạo cho rằng chúng sanh là phàm phu, không thể dựa vào tự lực để đến được Thế Giới Báo Độ cao diệu của Đức Phật A Di Đà, chỉ nhờ vào nguyện lực của Đức Phật mới có thể vào.

Ngài cổ xúy rằng xung danh chính là nguyện lực vĩ đại nhất. Nam Mô A Di Đà Phật giống như chiếc cầu nối. Xưa nay giữa chúng sanh và nguyện lực của Đức Phật bị ngăn cách, nhờ vào sáu chữ danh hiệu, hai bên được nối liền thông suốt với nhau.

Sau đây, chúng ta sẽ phân tích cụ thể đôi chút về tư tưởng xung danh của Đại Sư Thiện Đạo.

Trước hết, Đại Sư Thiện Đạo thông qua xác định tông chỉ của Quán Kinh, từ đó Ngài đặt ra vị trí của xung danh Niệm Phật. Các vị Tịnh Ảnh Huệ Viễn và Cát Tạng cho rằng trọn bộ Quán Kinh là nói về quán Phật Tam Muội.

Đại Sư Thiện Đạo thì cho rằng Quán Kinh là nói về Niệm Phật Tam Muội, trong đó mười ba đề mục quán phía trước là quán Phật Tam Muội, là do Vi Đề Hi thỉnh Đức Thế Tôn nói cho hạng lợi căn. Ba đề mục quán tiếp sau là Pháp Môn Thế Tôn tự thuyết để cứu độ chúng sanh.

Do mục đích của Quán Kinh là Đức Phật tuyên nói cho chúng sanh thời Mạt Pháp. Vì vậy, quán Phật Tam Muội chính là Đức Phật kiến lập một

loại giả thuyết về Niệm Phật.

Khi Đức Thế Tôn truyền trao Quán Kinh cho Tôn Giả A Nan, Ngài chưa phó chúc quán Phật Tam Muội, mà dặn dò rằng: Ông nên ghi nhớ kỹ lời này, vâng giữ lời này cũng chính là thọ trì danh hiệu của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Căn cứ theo đoạn văn Kinh này, Đại Sư Thiện Đạo cho rằng quán Phật Tam Muội là thuyết phê, Niệm Phật Tam Muội là thuyết lập vừa phê vừa lập, đó chính là tông chỉ Niệm Phật của Quán Kinh. Kế đến, tư tưởng xung danh của Đại Sư Thiện Đạo còn được thể hiện qua cách Ngài giải thích vấn đề mười niệm trước khi lâm chung.

Văn Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Quán Kinh có đoạn: Người này bị khổ bức bách, không rảnh để Niệm Phật.

Thiện hữu bảo: Nếu anh không thể Niệm Phật được, thì nên xưng danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật. Chí tâm xưng niệm âm thanh không dứt, đủ mười niệm xưng Nam Mô A Di Đà Phật, do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi một niệm tiêu trừ được tám mươi ức kiếp tội sanh tử.

Trong một niệm cũng được Vãng Sanh về nước An Lạc. Đại Sư Thiện Đạo cho rằng lâm chung thập niệm chính là xưng mười câu Phật.

Trong tác phẩm Vãng Sanh lễ tán, Ngài cũng có nói: Nếu Tôi thành Phật, chúng sanh ở Mười Phương xưng danh hiệu của Tôi, dù chỉ mười tiếng mà nếu họ không được Vãng Sanh thì Tôi không thành chánh giác.

Trong Quán Kinh sơ, khi giải thích văn Kinh đủ mười niệm, Đại Sư Thiện Đạo lại nói: Trong mười tiếng xưng danh hiệu Đức Phật, có đầy đủ Thập Nguyên, Thập Hạnh. Có thể thấy, Đại Sư Thiện Đạo lấy việc

xung danh để giải thích về mười niệm.

Lại nữa, Đại Sư Thiện Đạo còn thông qua quá trình phân biệt việc tu chánh hạnh hay tạp hạnh của chúng sanh để xác lập vị trí của việc xung danh Niệm Phật. Đại Sư Thiện Đạo cho rằng tất cả hành vi của chúng sanh, một loại là chánh hạnh, là chuyên y cứ vào Kinh Điển Tịnh Độ để tu hành. Loại thứ hai, ngoài những hạnh vừa nêu trên thì đều là Tạp hạnh.

Đại Sư Thiện Đạo y cứ theo Ngũ niệm môn của Đàm Loan, đem chánh hạnh phân thành năm loại:

1. Chánh hạnh đọc tụng: Nhất tâm chuyên đọc tụng Kinh Điển Tịnh Độ.
2. Chánh hạnh quán sát: Nhất tâm chuyên chú quán tưởng, ức niệm về cõi nước của Đức Phật A Di Đà.
3. Chánh hạnh lễ bái: Nhất tâm chuyên lễ bái Đức Phật A Di Đà.
4. Chánh hạnh tán thán: Nhất tâm chuyên cúng dường, tán thán Đức Phật A Di Đà.
5. Chánh hạnh xung danh: Nhất tâm chuyên dùng miệng xung danh Đức Phật A Di Đà.

Trong năm loại chánh hạnh, Đại Sư Thiện Đạo lại đem chánh hạnh xung danh làm chánh định nghiệp. Ngài cho rằng xung danh là bản nguyện của Đức Phật, hơn nữa mọi người đều có thể tu hành, vì vậy chúng ta nên bỏ tạp hạnh, tu chánh định nghiệp.

Đại Sư Thiện Đạo nói: Chúng sanh chương trọng, cảnh tế, tâm thô, thức tâm loạn động, tu tập quán niệm rất khó thành tựu, vì vậy Đức Thế Tôn

mới thương xót khuyên nên chuyên xưng danh hiệu.

Đoạn trước đã đề cập đến Kinh Diệu Tịnh Độ cho rằng chúng sanh đang trong thời đại Mạt Pháp, căn cơ hạ liệt, có hiện hữu thì cũng chỉ là một sự tồn tại rất hữu hạn, còn sự tồn tại của Đức Phật A Di Đà là vô hạn. danh hiệu của Đức Phật là nhịp cầu nối giữa hai bên, cung cấp cho chúng sanh khả năng Vãng Sanh về Tịnh Độ.

Vì sao danh hiệu lại có tác dụng lớn lao như thế?

Đại Sư Thiện Đạo cho rằng điều này nhất định phải lý giải dựa trên lòng từ bi của Đức Phật. Phật thương xót chúng sanh đau khổ, nên Ngài đem công đức của chính mình kết tinh thành danh hiệu A Di Đà Phật.

Đức Phật hoàn toàn buông bỏ tự kỷ, danh hiệu chính là hình thức tồn tại của Ngài. Như vậy, trong danh hiệu đã bao hàm toàn bộ công năng của Đức Phật, trong đó tập trung thể hiện nguyện lực của Ngài. Tất cả hạnh, tất cả nguyện, toàn thể vũ trụ đều bao hàm trong câu A Di Đà Phật.

Vì vậy, Đại Sư Thiện Đạo nói: Trên thì suốt một đời, dưới thì dù một câu hay mười câu, nhờ nguyện lực của Đức Phật nên rất dễ được Vãng Sanh. Sự tồn tại của Đức Phật chỉ có hóa thành danh hiệu mới dễ dàng cứu vớt tất cả chúng sanh, và chúng sanh cũng chỉ dựa vào danh hiệu của Đức Phật mới có thể đến được cảnh giới của Ngài.

Đại Sư Thiện Đạo còn trình bày và phân tích tác dụng cụ thể khi chúng sanh Niệm Phật, Ngài nêu lên ba tác dụng:

1. Tác dụng thân duyên, tức là: Chúng sanh khởi hạnh, miệng thường xưng danh hiệu Phật, Đức Phật liền nghe. Thân thường lễ Phật, Đức Phật liền thấy. Tâm thường Niệm Phật, Đức Phật liền biết.

Chúng sanh nhớ nghĩ đến Phật, Phật cũng nhớ nghĩ đến chúng sanh, hai bên không hề xa cách nhau, cho nên gọi là thân duyên. Niệm Phật là đang ở trong bản nguyện của Phật, vì vậy người Niệm Phật cùng với Đức Phật kết thành thân duyên sâu sắc.

2. Tác dụng cận duyên: Chúng sanh nguyện muốn thấy Phật, Đức Phật liền ứng hiện, nên gọi là cận duyên. Chúng sanh Niệm Phật, nếu như phát nguyện muốn thấy Phật, Phật sẽ liền xuất hiện trước mắt.

3. Tác dụng tăng thượng duyên: Chúng sanh xưng niệm danh hiệu, liền trừ được nghiệp tội trong nhiều kiếp. Khi lâm chung, được Đức Phật cùng Thánh Chúng đến nghinh tiếp, tà nghiệp không thể ngăn trở được, cho nên gọi là tăng thượng duyên.

Do chúng sanh chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Phật, liền tiêu trừ được những lỗi lầm trước đó, loại bỏ những thứ tạp tướng trong ý thức, tiến vào một trạng thái thuần túy thanh tịnh không thiện, không ác. Trạng thái này siêu vượt tất cả tâm thiện ác, những sự tạo tác hữu vi cũng ngưng nghỉ, chúng sanh nhờ đó mà đạt được giải thoát.

Vì vậy nói: Niệm Phật có tác dụng làm tăng thượng duyên giúp chúng sanh giải thoát. Đại Sư Thiện Đạo cho rằng, bên cạnh việc kiên trì xưng niệm, còn phải có phương thức tu hành chính xác.

Đại Sư Thiện Đạo nêu lên bốn phương thức:

1. Cung kính tu: Khi chúng sanh lễ bái Đức Phật A Di Đà, nên có thái độ ân cần cung kính.

2. Vô dư tu: Tức là khi ba nghiệp thân, khẩu, ý khởi lên, hành vi của chúng ta không được xen tạp, miệng chỉ chuyên xưng niệm danh hiệu Đức

Phật A Di Đà, chuyên nhớ, quán tưởng, lễ bái, tán thán Đức Phật A Di Đà và Thánh Chúng ở Tịnh Độ.

3. Vô Gian tu: Tâm đặt vào nơi khởi hạnh không gián đoạn, đây là pháp tu không tạo nghiệp khác, không khởi vọng niệm phiền não. Nhưng chúng sanh là hạng phàm phu sanh tử, thường thì chánh hạnh sẽ bị gián đoạn. Đại Sư Thiện Đạo cho rằng đây là việc không thể nào tránh khỏi, chỉ nên tùy lúc sám hối là được.

4. Trường thời tu: Từ khi Phát Tâm cho đến lúc lâm chung, đều tin tưởng và hành trì liên tục, không dừng giữa chừng. Tóm lại, xét theo quan điểm của Đại Sư Thiện Đạo, chỉ cần chúng sanh phát khởi ba tâm, chuyên tu chánh định nghiệp là trì danh, không xen lẫn những hạnh khác, tu hành không gián đoạn, không lười biếng, thì nhất định nương vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, Vãng Sanh về Thế Giới Báo Độ của Ngài.

5. Ảnh hưởng của Đại Sư Thiện Đạo đối với hậu thế và vị trí của Ngài trong lịch sử. Đại Sư Thiện Đạo kế thừa tư tưởng Tịnh Độ của Đàm Loan, Đạo Xước, Ngài đem tư tưởng xưng danh Niệm Phật nâng lên một tầm cao mà trước đó chưa từng có, hơn nữa chính Ngài cũng nỗ lực thực hành, nêu lên một tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

Từ đó về sau, xưng danh Niệm Phật trong Tông Tịnh Độ nhanh chóng phát triển, đến độ mà Nhà nhà đều A Di Đà Phật. Về sau, khi Đường Vũ Tông diệt Phật, hầu hết các Tông Phái đều bị ảnh hưởng và suy vi trầm trọng không thể cứu vãn, chỉ có Tông Tịnh Độ và Thiền Tông vẫn thịnh hành như cũ.

Do xưng danh Niệm Phật rất đơn giản, dễ thực hành, thấm sâu vào lòng

người, nên sau này các Tông Phái khác cũng đều chú ý hấp thu tư tưởng Tịnh Độ, dần dần có cùng xu hướng với Tông Tịnh Độ và trở thành tông chung của các Tông Phái.

Tuy Đại Sư Thiện Đạo có tầm ảnh hưởng rất lớn trong lịch sử, nhưng tính từ đạo ấy đến nay, trải qua khoảng thời gian quá dài, nên hình ảnh Đại Sư trở nên khá mờ nhạt.

Chúng ta đã vô tình xem nhẹ việc nghiên cứu về tư tưởng xưng danh Niệm Phật của Ngài, nên đánh giá chưa đúng tầm vóc của Ngài trong lịch sử Phật Giáo Trung Quốc. Chúng tôi cho rằng muốn lý giải vị trí của Đại Sư Thiện Đạo, không chỉ đơn thuần dựa theo tư tưởng lý luận để nhận định.

Sau khi Phật Giáo truyền vào Trung Quốc, nhìn chung đã trải qua hai giai đoạn phát triển.

Một là Phật Giáo trước thời đại Nhà Đường, với đặc trưng dùng hình thức lý luận.

Hai là Phật Giáo sau thời đại Nhà Đường, với hình thức đặc trưng tín ngưỡng.

Có thể gọi Phật Giáo giai đoạn trước là Phật Giáo Kinh Điển, giai đoạn sau là Phật Giáo dân gian. Cột mốc quan trọng để Đại Sư Thiện Đạo sáng lập Tông Tịnh Độ là Phật Giáo Kinh Điển chuyển hướng sang Phật Giáo dân gian.

Tông Tịnh Độ xuất hiện, đã giải quyết được hai vấn đề mà Phật Giáo phát triển phải đối mặt:

Một là, Phật Giáo phát triển đã tinh vi hoá, chuyên môn hóa lý luận Phật Giáo lên rất cao, làm cho người chưa trải qua quá trình huấn luyện chuyên môn thì không thể nắm bắt được. Như vậy, Phật Giáo dần biến thành Tôn Giáo của hình thức Học Viện, xa rời nhu cầu cần thiết của đại đa số quần chúng và có nguy cơ sẽ bị suy vi.

Hai là, các loại chú sớ, trữ tác của các vị Cao Tăng Đại Đức trong Phật Giáo phần nhiều đều muốn luận chứng tín ngưỡng từ trên lý luận, trong đó tiềm tàng sự phá vỡ tín ngưỡng, có nguy cơ tách rời sự tu hành thực tiễn.

Đại Sư Thiện Đạo nêu lên Pháp Môn xưng danh Niệm Phật đơn giản, dễ hành, cũng phù hợp với chủ trương đơn giản, dễ hành của Thiền Tông, đả phá sự độc quyền của tầng lớp quý tộc đối với Phật Giáo. Ngài đã giúp một tín đồ tầm thường cũng trở thành chủ thể của tín ngưỡng Phật Giáo.

Sau này, Phật Giáo Trung Quốc tiến đến một giai đoạn phát triển mới, Phật Giáo thâm nhập vào mọi tầng lớp, mọi ngõ ngách trong xã hội, thật sự cắm rễ trên lãnh thổ Trung Quốc.

Có thể nói, Đại Sư Thiện Đạo là một nhân vật quan trọng đánh dấu một bước ngoặt trên lộ trình phát triển của lịch sử Phật Giáo Trung Quốc. Cần phải xác định đúng vị trí của Đại Sư Thiện Đạo bằng cách chú trọng tư tưởng của Ngài. Ngài là một vị Đại Sư Phật Học mà chúng ta cần phải nỗ lực nghiên cứu.
